

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC

Số: 02/2005/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 1 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

***Về việc ban hành Quy chế phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng
để huy động vốn trong nước***

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17 tháng
06 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn trong nước".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1287/2002/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 11 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn trong nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

ĐỀ HUY ĐỘNG VỐN TRONG NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2005/QĐ-NHNN ngày 04/01/2005

của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I

Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn từ các tổ chức và cá nhân trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức tín dụng phát hành giấy tờ có giá

1. Tổ chức tín dụng phát hành giấy tờ có giá là các tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, và đáp ứng các điều kiện quy định tại Quy chế này, bao gồm :

- Các tổ chức tín dụng Nhà nước.
- Các tổ chức tín dụng cổ phần.
- Quỹ Tín dụng nhân dân trung ương.
- Các tổ chức tín dụng liên doanh.
- Các tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Riêng Công ty cho thuê tài chính chỉ được phát hành giấy tờ có giá có thời hạn trên một năm.

Điều 3. Người mua giấy tờ có giá

Người mua giấy tờ có giá gồm:

- Các tổ chức, cá nhân Việt Nam.
- Các tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Giấy tờ có giá** là chứng nhận của tổ chức tín dụng phát hành để huy động vốn trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa tổ chức tín dụng và người mua.
2. **Giấy tờ có giá ngắn hạn** là giấy tờ có giá có thời hạn dưới một năm bao gồm kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, tín phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.
3. **Giấy tờ có giá dài hạn** là giấy tờ có giá có thời hạn từ một năm trở lên kể từ khi phát hành đến khi hết hạn, bao gồm trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi dài hạn và các giấy tờ có giá dài hạn khác.
4. **Giấy tờ có giá ghi danh** là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi sổ có ghi tên người sở hữu.
5. **Giấy tờ có giá vô danh** là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ không ghi tên người sở hữu. Giấy tờ có giá vô danh thuộc quyền sở hữu của người nắm giữ giấy tờ có giá.
6. **Mệnh giá** là số tiền gốc được in sẵn hoặc ghi trên giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi trên giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với giấy tờ có giá phát hành theo hình thức ghi sổ.
7. **Tổng mệnh giá** là tổng các mệnh giá của các giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành trong một năm hoặc trong một đợt phát hành.
8. **Thời hạn giấy tờ có giá** là khoảng thời gian từ ngày tổ chức tín dụng nhận nợ đến hết ngày cam kết thanh toán toàn bộ khoản nợ.
9. **Thời hạn phát hành** là khoảng thời gian từ ngày tổ chức tín dụng bắt đầu phát hành đến hết ngày kết thúc của một đợt phát hành.
10. **Lãi suất cố định** là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn của giấy tờ có giá.
11. **Lãi suất có điều chỉnh định kỳ** là lãi suất thay đổi định kỳ theo thị trường do tổ chức tín dụng thoả thuận với người mua khi phát hành.
12. **Trả lãi trước** là việc bán giấy tờ có giá thấp hơn mệnh giá và người mua được thanh toán số tiền bằng mệnh giá khi đến hạn.

13. Trả lãi một lần khi đến hạn thanh toán là việc thanh toán tiền lãi một lần khi đến hạn thanh toán cùng với tiền gốc (mệnh giá).

14. Trả lãi theo định kỳ là việc trả lãi căn cứ vào phiếu trả lãi theo định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm đối với các giấy tờ có giá dài hạn.

Điều 5. Hình thức phát hành

1. Tổ chức tín dụng phát hành giấy tờ có giá theo hình thức chứng chỉ ghi danh, chứng chỉ vô danh và ghi sổ.

2. Trường hợp phát hành giấy tờ có giá theo hình thức ghi sổ, tổ chức tín dụng phát hành cấp cho người mua chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá.

Điều 6. Hình thức và các yếu tố của giấy tờ có giá

1. Giấy tờ có giá phát hành dưới hình thức chứng chỉ phải có các yếu tố sau:

- Tên tổ chức tín dụng phát hành.
- Tên gọi giấy tờ có giá (kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, chứng chỉ tiền gửi dài hạn, trái phiếu...).
- Mệnh giá.
- Thời hạn.
- Ngày phát hành.
- Ngày đến hạn thanh toán.
- Lãi suất; Phương thức trả lãi; Thời điểm, địa điểm trả lãi.
- Phương thức hoàn trả.
- Địa điểm thanh toán tiền gốc giấy tờ có giá.
- Ghi rõ là giấy tờ có giá ghi danh hoặc vô danh.

Trường hợp là giấy tờ có giá ghi danh ghi rõ: tên tổ chức, số giấy phép thành lập hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh, địa chỉ của tổ chức mua giấy tờ có giá (nếu người mua là tổ chức); tên, số giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ của người mua giấy tờ có giá (nếu người mua là cá nhân).

- Chữ ký của Tổng Giám đốc hay người được uỷ quyền và các chữ ký khác do tổ chức tín dụng quy định

- Ký hiệu, số sê-ri phát hành.

- Các điều kiện, điều khoản về chuyển nhượng, chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá tại chính tổ chức tín dụng phát hành; Xử lý đối với các trường hợp rủi ro, các trường hợp không được thanh toán.

2. Ngoài các yếu tố quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng phát hành có thể quy định thêm các nội dung ghi chú, chỉ dẫn khác liên quan đến giấy tờ có giá.

3. Đối với giấy tờ có giá phát hành theo hình thức ghi sổ, các yếu tố quy định tại Khoản 1 Điều này phải được ghi vào trong giấy chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá.

4. Đối với trường hợp giấy tờ có giá trả lãi theo định kỳ, phiếu trả lãi kèm theo giấy tờ có giá phải có các chi tiết liên quan đến giấy tờ có giá (số sê ri, mệnh giá), lãi suất, số tiền được lĩnh, kỳ hạn lĩnh lãi.

5. Giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ phải được thiết kế và in ấn để đảm bảo khả năng chống giả cao.

Điều 7. Đồng tiền phát hành và thanh toán

1. Giấy tờ có giá được phát hành bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ.

2. Việc phát hành, thanh toán và chuyển nhượng giấy tờ có giá bằng ngoại tệ phải tuân theo các quy định về quản lý ngoại hối của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 8. Phương thức phát hành

Các tổ chức tín dụng thực hiện phát hành giấy tờ có giá theo các phương thức:

1. Trực tiếp phát hành giấy tờ có giá.

2. Phát hành qua tổ chức tín dụng làm đại lý hoặc uỷ thác phát hành giấy tờ có giá.

Điều 9. Thời hạn phát hành

Thời hạn phát hành của một đợt phát hành không quá 60 ngày, bao gồm cả những ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng chỉ được phát hành vượt thời hạn trên khi được sự chấp thuận của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Lãi suất